

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019
“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019, , giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Mộng T1, sinh năm 1984. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn: Anh Dương Văn T2, sinh năm 1986. (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Mộng T1 trình bày:**

- Về hôn nhân: Vào năm 2006 chị T1 và anh T2 tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn T2.

- Về con chung: Có 01 người tên Dương Kim N (nữ), sinh ngày 10/12/2006, hiện nay cháu N đang sống chung với chị T1, khi ly hôn chị T1 yêu cầu được nuôi cháu N; Không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn anh Dương Văn T2 trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2006 anh T2 và chị T1 tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh Dương Văn T2 đồng ý ly hôn với chị T1.

- Về con chung: Có 01 người tên Dương Kim N (nữ), sinh năm 2006, hiện nay cháu N đang sống chung với chị T1, khi ly hôn anh T2 đồng ý giao cháu N cho chị T1 nuôi dưỡng; Không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Chị T1 yêu cầu ly hôn với anh T2; Về con chung: chị T1 yêu cầu được nuôi cháu N; Không đặt ra cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Dương Văn T2 xin vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Mộng T1 đối với anh Dương Văn T2; giao cháu Dương Kim N cho chị T1 nuôi dưỡng; Không đặt ra cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và công nợ: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Văn T2 có đơn yêu cầu vắng mặt; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Dương Văn T2.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T1 và anh T2 tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2006, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An Đông – huyện Ngọc Hiển theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116/2009 ngày 02 tháng 6 năm 2009; Do đó, hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị T1 và anh T2, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không liên lạc với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, nay chị T1 và anh T2 đồng ý ly hôn với

nhau, tuy Nên anh T2 có đơn yêu cầu vắng mặt, nên không thể ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự; Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Mộng T1 đối với anh Dương Văn T2.

[2.2] Về con chung: Có 01 người con tên Dương Kim N (nữ), sinh ngày 10/12/2006. Hiện cháu N đang sống với chị T1, chị T1 yêu cầu được nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: Việc yêu cầu nuôi cháu Kim N của chị T1, phía anh T2 cũng đồng ý, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1, giao cháu Dương Kim N cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T2 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản và công nợ: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Bùi Mộng T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Mộng T1 và anh Dương Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Kim N (nữ) – sinh ngày 10/12/2006 cho chị Bùi Mộng T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T2 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom gây cản trở

hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Bùi Mộng T1 phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005955 ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, án phí sơ thẩm chị T1 đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển;
- (GNCKH số 116/2009 ngày 02/6/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Hoàng Tuấn